

BÀN THÊM VỀ QUYỀN TƯ PHÁP VÀ KIỂM SOÁT VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Vũ Công Giao*

Tóm tắt: Bài viết bàn thêm về một số vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến quyền tư pháp và kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện khung chính sách, pháp luật hiện hành về vấn đề quan trọng này ở nước ta, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Từ khóa: Tư pháp, quyền tư pháp, kiểm soát quyền lực, kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp, Việt Nam.

Abstract: This article examines a number of theoretical and practical issues related to judicial power and the control of the implementation of judicial power, thereby proposing a number of solutions to improve the current policy and legal framework on this important issue in our country, thus contributing to the goal of building and strengthening the socialist rule-of-law state of Vietnam in the new period.

Keywords: Judiciary; judicial power; control of power; control of the implementation of judicial power; Vietnam.

Kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp là một nội dung quan trọng trong kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung và đã được nhấn mạnh trong nhiều văn kiện của Đảng, Hiến pháp, các luật chuyên ngành của Nhà nước từ 2011 đến nay. Nghị quyết số 27-NQ/TW được thông qua tại Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 9/11/2022 đã xác định những mục tiêu cụ thể đến năm 2030 để xây dựng và hoàn

thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó có việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp¹. Mặc dù vậy, hiện vẫn còn có những nhận thức chưa thống nhất về quyền tư pháp và về cơ chế kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp, dẫn tới những trở ngại trong việc đạt được mục tiêu đã nêu.

1. Nhận thức về quyền tư pháp ở Việt Nam

Trên thế giới, “quyền tư pháp” (*judicial power*) được hiểu một cách phổ biến là “quyền lực độc lập được Hiến pháp trao cho Tòa án”², mà trước hết và cơ bản là Tòa án

* GS.TS., Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài: *Quản trị quốc gia tốt và việc chuyển đổi mô hình quản lý nhà nước ở Việt Nam* (mã số: 505.01-2021.07), do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia (NAFOSTED) tài trợ.

Nội dung bài viết được củng cố từ tham luận của tác giả tại Hội thảo “*Hệ thống tư pháp hình sự Việt Nam: Những vấn đề lý luận, thực tiễn và lập pháp*” do Khoa Tư pháp Hình sự, Trường Đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ngày 13/4/2024.

¹ Nghị quyết số 27-NQ/TW được thông qua tại Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 9/11/2022 về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”, mục III,1.2.

² Oxford Reference, <https://www.oxfordreference.com/display/10.1093/oi/authority.201108031000264>

tối cao³. Về mặt nội dung, quyền tư pháp được hiểu trước hết là quyền xét xử (hay “quyền tài phán”) của Tòa án, tức là quyền giải quyết vụ kiện, xem xét nội dung và đưa ra quyết định ràng buộc các bên liên quan đến vụ kiện đó⁴. Tuy nhiên, quyền tư pháp còn được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm các quyền hạn khác của toà án, cụ thể như đưa ra án lệ và phán quyết về những hành vi vi hiến. Các quyền tư pháp theo nghĩa rộng như vậy được xem là xu thế từ cuối thế kỷ XX⁵. Tuy nhiên, dù rộng hay hẹp, theo quan điểm phổ biến trên thế giới, *quyền tư pháp là đặc quyền của Tòa án, không chia sẻ với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào khác*.

Ở Việt Nam, “quyền tư pháp” là một khái niệm mới, lần đầu tiên được đưa vào Hiến pháp năm 1992 (trong lần sửa đổi, bổ sung năm 2001, cùng với các khái niệm “quyền lập pháp”, “quyền hành pháp”)⁶. Cụ thể, Điều 2 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2001) quy định: “*Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp*

giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Tuy nhiên, quy định này chưa nêu rõ chủ thể thực hiện quyền tư pháp. Đến Hiến pháp năm 2013, cùng với việc bổ sung, hoàn thiện nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước, đã quy định cụ thể về chủ thể thực hiện quyền tư pháp, theo đó: “*Tòa án nhân dân (TAND) là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*” (khoản 1 Điều 102).

Từ quy định tại khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013, có quan điểm cho rằng, quyền tư pháp được thực hiện thông qua hoạt động xét xử của Tòa án; ngoài xét xử, quyền tư pháp không được thực hiện bằng bất kỳ hình thức nào khác; bằng việc thực hiện chức năng xét xử, Tòa án có vị trí là cơ quan thực hiện quyền tư pháp⁷. Trong khi đó, ý kiến khác cho rằng, quyền tư pháp là quyền xét xử và do Tòa án thực hiện, ngoài ra có sự tham gia của một số cơ quan khác⁸.

Cả hai ý kiến trên đều có những điểm hợp lý và chưa hợp lý.

Liên quan đến ý kiến thứ nhất, theo quan điểm của tác giả, quyền tư pháp không chỉ giới hạn ở quyền xét xử của Tòa án. Từ điển đạt tại khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013, có thể khẳng định nội dung cơ bản của quyền tư pháp là quyền xét xử (hay quyền tài phán); tuy nhiên, chưa rõ ngoài

13. Cũng xem mục về judicial power trong một số từ điển pháp luật nước ngoài như: The Oxford International Encyclopedia of Legal History Australian Law Dictionary, The Oxford Guide to the United States Government, The Oxford Companion to the High Court of Australia (tại: <https://www.oxfordreference.com/search?q=judicial%20power>).

³ Judicial Power - US Constitution Annotated, <https://law.justia.com/constitution/us/article-3/08-judicial-power.html>.

⁴ Judicial Power - US Constitution Annotated, <https://law.justia.com/constitution/us/article-3/08-judicial-power.html>.

⁵ Xem *Global trends in judicial power*, <https://www.britannica.com/topic/court-law/Global-trends-in-judicial-power>.

⁶ Trong các bản hiến pháp trước đó của Việt Nam chưa có khái niệm “quyền tư pháp”. Hiến pháp năm 1946 có quy định về “*cơ quan tư pháp*”. Khái niệm “*cơ quan tư pháp*” sau đó được cụ thể hoá thành “*Tòa án nhân dân*”, “*Viện kiểm sát nhân dân*” trong các Hiến pháp năm 1959, 1980 và 1992 (trước khi sửa đổi, bổ sung năm 2001).

⁷ Trần Văn Độ, *Hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền tư pháp và giữa các cơ quan, tổ chức trong hoạt động tư pháp*, Tạp chí Thông tin khoa học pháp lý, Số chuyên đề 04/2020.

⁸ Nguyễn Văn Quyền, *Phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền tư pháp theo tinh thần Hiến pháp năm 2013*, Thông tin khoa học pháp lý, Số chuyên đề 04/2020. Cũng xem Nguyễn Tất Viễn (chủ biên), *Quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam từ lý luận đến thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, 2018.

quyền xét xử, quyền tư pháp còn bao hàm nội dung nào khác hay không. Điều này là bởi khoản 1 Điều 102 quy định “TAND là cơ quan xét xử...” chứ không quy định “TAND là cơ quan chỉ có quyền/nhiệm vụ xét xử...”. Trong thực tế, ngoài quyền/nhiệm vụ xét xử, theo Luật Tổ chức TAND năm 2014, TAND còn: “Thực hiện quyền hạn khác theo quy định của luật” (khoản 9 Điều 2 Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của TAND). Từ các quy định có liên quan của Hiến pháp, Luật Tổ chức TAND và các luật tố tụng hiện hành của nước ta, có thể xác định nội dung quyền tư pháp của Tòa án bao gồm: (i) Xét xử các vụ án hình sự⁹; (ii) Giải quyết các tranh chấp, các yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (gồm 59 loại vụ, việc)¹⁰; (iii) Giải quyết các khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính¹¹; khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức giữ chức vụ từ Tổng cục trưởng và tương đương trở xuống; khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; khiếu kiện danh sách cử tri¹²; (iv) Xem xét, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục

bắt buộc)¹³, thực chất là xử lý hành chính theo quy trình tư pháp.

Như vậy, có thể thấy rằng theo pháp luật Việt Nam, quyền tư pháp không chỉ là quyền xét xử, mà còn bao gồm các quyền khác của Tòa án. Trong thực tế, ngoài các nội dung đã nêu ở trên, khoản 7 Điều 2 Luật Tổ chức TAND năm 2014 đã quy định một thẩm quyền khác của TAND – cơ quan giữ quyền tư pháp theo Hiến pháp 2013 – đó là: “[Trong quá trình xét xử vụ án] Tòa án phát hiện và kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời Tòa án kết quả xử lý văn bản pháp luật bị kiến nghị theo quy định của pháp luật làm cơ sở để Tòa án giải quyết vụ án”. Quy định này gắn với một nhiệm vụ khác của TAND mà được ghi nhận trong khoản 3 Điều 102 Hiến pháp 2013, đó là: “...nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”. Về bản chất, có thể xem quy định tại khoản 7 Điều 2 Luật Tổ chức TAND là một dạng thức bảo hiến bằng Tòa án, có đặc điểm của mô hình bảo hiến phi tập trung¹⁴.

⁹ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

¹⁰ Điều 26-34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

¹¹ Trừ các quyết định, hành vi hành chính: Quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo quy định của pháp luật; quyết định, hành vi của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính, xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng; quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức; quyết định buộc thôi việc công chức giữ chức vụ trên tổng cục trưởng và tương đương trở lên.

¹² Điều 30 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

¹³ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân năm 2014.

¹⁴ Về các mô hình bảo hiến, xem: Thái Vĩnh Thắng, Các mô hình cơ quan bảo hiến trên thế giới và lựa chọn mô hình phù hợp với Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 19(251), tháng 10/2013.

Liên quan đến ý kiến thứ hai, theo quan điểm của tác giả, quyền tư pháp *chỉ thuộc về Tòa án*, bởi Hiến pháp năm 2013 chỉ quy định một chủ thể duy nhất thực hiện quyền tư pháp đó là Tòa án (khoản 1 Điều 102). Nói cách khác, Hiến pháp năm 2013 đã phân công rất rành mạch: Quốc hội *thực hiện* quyền lập hiến, quyền lập pháp (Điều 69); Chính phủ *thực hiện* quyền hành pháp (Điều 94); Tòa án *thực hiện* quyền tư pháp (Điều 102) – như vậy, quyền tư pháp chỉ thuộc về Tòa án. Ngoài ra, tất cả các quyền hạn, nhiệm vụ mà thông qua đó Tòa án thực hiện quyền tư pháp (nêu ở Điều 2 Luật Tổ chức TAND), trong đó đặc biệt là hoạt động xét xử, *đều là đặc quyền của Tòa án*. Hoạt động của các cơ quan khác (điều tra, truy tố, thi hành án...) chỉ là hoạt động tổ tụng tư pháp, nhằm *tạo tiền đề hay hỗ trợ, chứ không tham gia thực hiện quyền tư pháp với tòa án*.

Tóm lại, từ những phân tích ở trên, có thể thấy, mặc dù chưa thực sự rõ ràng, quan điểm chính thống về quyền tư pháp ở Việt Nam (thông qua khoản 1 Điều 102 Hiến pháp 2013 và Điều 2 Luật Tổ chức TAND 2014) hiện đã tương thích với nhận thức phổ biến trên thế giới về quyền tư pháp, xét cả về chủ thể của quyền và nội dung của quyền, theo đó: *Quyền tư pháp là đặc quyền của tòa án, thể hiện chủ yếu nhưng không giới hạn ở quyền xét xử (quyền tài phán), mà còn mở rộng sang các quyền hạn khác của Tòa án*.

Việc xác định quyền tư pháp là đặc quyền của Tòa án giúp bảo đảm hiệu lực hoạt động của Tòa án, bởi khi thực hiện quyền tư pháp, Tòa án nhân danh Nhà nước để ra phán quyết mang tính quyền lực nhà nước, mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tôn trọng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành. Bên

cạnh đó, việc này cũng giúp xây dựng một cơ chế hiệu quả để kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp – mà được minh định vào việc kiểm soát việc thực hiện các quyền hạn của Tòa án, đặc biệt là quyền hạn xét xử.

2. Nhận thức và đường lối kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam

Theo nghĩa khái quát, có thể hiểu kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước nói chung (trong đó bao gồm việc thực hiện quyền tư pháp) là việc theo dõi, giám sát, ngăn chặn, loại bỏ những nguy cơ và hành động lạm dụng, hoặc sử dụng quyền lực nhà nước không đúng quy định của pháp luật.

Trên thế giới, việc kiểm soát thực hiện quyền tư pháp thông thường được thực hiện qua hai cơ chế: Kiểm soát nội bộ (tự kiểm soát của hệ thống Tòa án) và kiểm soát từ bên ngoài hệ thống (kiểm soát của các cơ quan nhà nước khác và của xã hội nói chung). Dù vậy, nhận thức chung cho rằng, khác với việc thực hiện quyền lập pháp và quyền hành pháp, việc thực hiện quyền tư pháp tác động trực tiếp đến các quyền cơ bản của tổ chức, cá nhân, thậm chí là quyền sống, quyền tự do, quyền tài sản... do đó, việc tổ chức và thực hiện quyền tư pháp phải dựa trên một số nguyên tắc đặc thù, trong đó đặc biệt là nguyên tắc về bảo đảm tính độc lập của Tòa án nói chung cũng như bảo đảm tính độc lập của thẩm phán nói riêng trong xét xử¹⁵. Những nguyên tắc này cũng chi phối việc kiểm soát thực hiện quyền tư pháp, theo nghĩa *các biện pháp kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp không được làm ảnh hưởng đến tính độc lập*

¹⁵ Về vấn đề này, Điều 102 Hiến pháp năm 2013 cũng quy định rõ: “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”.

trong hoạt động của Tòa án và tính độc lập trong việc xét xử của thẩm phán¹⁶.

Ở nước ta, vấn đề kiểm soát thực hiện quyền lực nhà nước lần đầu tiên được nêu cụ thể trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, trong đó nêu rõ: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp... Tiếp tục xây dựng, từng bước hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền”¹⁷. Bên cạnh đó, liên quan đến việc thực hiện quyền tư pháp, Nghị quyết cũng đề ra nhiệm vụ: “Tăng cường các cơ chế giám sát, bảo đảm sự tham gia giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp”¹⁸.

Căn cứ Nghị quyết trên của Đảng, khoản 3 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 8 Hiến pháp năm 2013 cũng nêu rõ: “Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa

quyền”. Như vậy, theo Hiến pháp năm 2013, các cơ quan nhà nước, bao gồm cơ quan thực hiện quyền tư pháp (Tòa án) phải chịu sự kiểm soát, giám sát cả bên trong và bên ngoài bộ máy nhà nước.

Tại Đại hội toàn quốc lần thứ XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu làm rõ hơn vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Theo đó, để nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, cần “Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước”¹⁹. Liên quan đến quyền tư pháp, Văn kiện xác định rõ: “Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân... Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của TAND, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp”²⁰.

Trên cơ sở đường lối đã xác định trong Văn kiện Đại hội XIII, Nghị quyết 27 năm 2022 của Ban chấp hành trung ương Đảng

¹⁶ Về vấn đề này, Nghị quyết 27 cũng xác định rõ, một trong những trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới là: “Đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”.

¹⁷ Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng (Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcong-san.vn>, Đại hội XI).

¹⁸ Nghị quyết Đại hội XI, tldđ.

¹⁹ Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguồn: <https://tulieuvan-kien.dangcongsan.vn>, Đại hội XIII.

²⁰ Nghị quyết Đại hội XIII, tldđ.

về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể có liên quan đến kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp, đó là: (1) Hoàn thiện cơ chế thực thi quyền lực nhà nước, xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của mỗi cơ quan và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực bên trong mỗi cơ quan và giữa các cơ quan nhà nước, giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương và giữa các cơ quan trong cùng một cấp chính quyền. Quy định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan hành pháp trong kiểm soát các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền tư pháp; của cơ quan tư pháp trong kiểm soát các cơ quan thực hiện quyền hành pháp, quyền lập pháp²¹. (2) Hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến tư pháp, bảo đảm tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp; bảo đảm tính độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Hoàn thiện cơ chế để khắc phục tình trạng quan hệ giữa các cấp tòa án là quan hệ hành chính, bảo đảm độc lập giữa các cấp xét xử và độc lập của thẩm phán, hội thẩm nhân dân khi xét xử. Phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định theo

²¹ Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; xây dựng tòa án điện tử²².

3. Thực trạng cơ chế kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam

Tương tự như ở nhiều nước khác, kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam đang được thực hiện qua hai cơ chế chủ yếu: Kiểm soát nội bộ (tự kiểm soát) của hệ thống Tòa án, và kiểm soát từ bên ngoài hệ thống Tòa án. Do tính chất rộng lớn của vấn đề, phần này của bài viết này chỉ tập trung đề cập đến cơ chế kiểm soát từ bên ngoài hệ thống Tòa án, với cấu trúc cơ bản bao gồm:

Thứ nhất, kiểm soát của Quốc hội (cơ quan thực hiện quyền lập pháp): Được thực hiện thông qua chức năng giám sát của Quốc hội, gồm giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; giám sát tối cao hoạt động của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC); xét báo cáo công tác và các báo cáo khác của TANDTC; giám sát tối cao văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, Chánh án TANDTC, thông tư liên tịch giữa Chánh án TANDTC với một số chủ thể luật định; bãi bỏ văn bản của TANDTC trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án TANDTC, bỏ phiếu tín nhiệm đối với chức danh này; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán TANDTC²³.

Trong thực tế, Quốc hội tiến hành hoạt động giám sát tối cao thông qua các hoạt động: Xem xét báo cáo công tác và các báo cáo khác của TANDTC; xem xét văn bản

²² Nghị quyết số 27-NQ/TW, t.lđd.

²³ Các khoản 2, 7, 8, 10 Điều 70 và khoản 1 Điều 80 Hiến pháp năm 2013; Điều 4 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; xem xét việc trả lời chất vấn của Chánh án TANDTC; xem xét báo cáo giám sát chuyên đề; xem xét báo cáo của Ủy ban lâm thời do Quốc hội thành lập để điều tra về một vấn đề nhất định; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; xem xét báo cáo của UBTVQH về kiến nghị giám sát của UBTVQH, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và Đại biểu Quốc hội (ĐBQH). Căn cứ kết quả giám sát, Quốc hội có thẩm quyền yêu cầu Chánh án TANDTC ban hành văn bản quy định chi tiết Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, Chánh án TANDTC, thông tư liên tịch giữa Chánh án TANDTC với một số chủ thể luật định trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án TANDTC; phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán TANDTC; bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; yêu cầu cơ quan, cá nhân có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức, xử lý đối với người có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng; ra nghị quyết về chất vấn; ra nghị quyết về kết quả giám sát chuyên đề và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

Theo Hiến pháp, UBTVQH có quyền giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH. Thẩm quyền này của UBTVQH bao gồm giám sát hoạt động của TANDTC; đình chỉ việc thi hành văn bản của TANDTC trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết

định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất; bãi bỏ văn bản của TANDTC trái với pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH²⁴; yêu cầu xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán TANDTC có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc phát hiện tình tiết quan trọng mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định mà Hội đồng thẩm phán TANDTC không biết được khi ra quyết định đó. UBTVQH tiến hành giám sát thông qua các hoạt động: Xem xét báo cáo công tác và một số báo cáo khác của TANDTC; xem xét văn bản quy phạm pháp luật của TANDTC có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH; xem xét việc trả lời chất vấn của Chánh án TANDTC giữa hai kỳ họp của Quốc hội; giám sát chuyên đề; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri; xem xét kiến nghị giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và ĐBQH; kiến nghị việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn²⁵.

Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội tiến hành giám sát thông qua các hoạt động: Thẩm tra báo cáo của TANDTC; giám sát chuyên đề; tổ chức giải trình những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị về việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của TANDTC...; Ủy ban Tư pháp của Quốc hội có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định

²⁴ Khoản 3 và khoản 4 Điều 74 Hiến pháp năm 2013.

²⁵ Điều 22 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

của Hội đồng thẩm phán TANDTC có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc phát hiện tình tiết quan trọng mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định mà Hội đồng thẩm phán TANDTC không biết được khi ra quyết định đó. Trên cơ sở kết quả giám sát, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có quyền kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị với Chánh án TANDTC và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có liên quan về những vấn đề thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội phụ trách; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật, xem xét trách nhiệm, xử lý người vi phạm, khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm.

Đoàn đại biểu Quốc hội tiến hành giám sát thông qua việc tổ chức giám sát chuyên đề về hoạt động tư pháp tại địa phương; tham gia giám sát với Đoàn giám sát của Quốc hội, UBTVQH, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội về hoạt động tư pháp tại địa phương.

ĐBQH tiến hành giám sát thông qua hoạt động: Chất vấn Chánh án TANDTC; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của TANDTC; giám sát việc thi hành pháp luật của Tòa án; giám sát Tòa án trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Ở cấp địa phương, Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh và huyện tiến hành giám sát thông qua hoạt động: Xem xét báo cáo của TAND cùng cấp; tiến hành chất vấn Chánh án TAND cùng cấp; tiến hành giám sát chuyên đề về công tác xét xử tại địa phương.

Trong thời gian qua, Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện ở nước ta đã có nhiều nỗ lực và đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần vào việc kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp. Mặc dù vậy, nhìn chung, hoạt động này vẫn mang tính hình thức, ít hiệu quả thực chất, do một số nguyên nhân sau: (1) Đối với việc giám sát tại kỳ họp, thời gian xem xét Báo cáo của TANDTC, chất vấn lãnh đạo TANDTC tại các kỳ họp Quốc hội thường ngắn, nên ĐBQH không hoặc khó có thể nghiên cứu, nêu ý kiến, chất vấn, phản biện và được giải trình một cách đầy đủ, thỏa đáng. (2) Đối với việc giám sát văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy định chi tiết thi hành luật trong hoạt động xét xử của Tòa án có khối lượng lớn trong khi bộ máy giúp việc của Quốc hội mỏng và phải đảm đương nhiều nhiệm vụ khác; (3) Đối với việc giám sát các vụ án cụ thể, thông thường liên quan đến chứng cứ và đánh giá chứng cứ, các vụ án thường trải qua nhiều giai đoạn và nhiều cấp tố tụng nên rất phức tạp, trong khi ít ĐBQH có chuyên môn sâu, có kinh nghiệm về lĩnh vực này và thường không đủ thời gian thỏa đáng để nghiên cứu...

Bên cạnh đó, thực tế cũng cho thấy, quy định Quốc hội có thẩm quyền bãi bỏ *văn bản* và UBTVQH có quyền đình chỉ thi hành *văn bản* của TANDTC²⁶ cần được cân nhắc điều chỉnh, bởi lẽ: (1) Quốc hội là thiết chế tổ chức và hoạt động mang tính chính trị pháp lý ở tầm vĩ mô, tầm quốc gia và thủ tục hoạt động là thủ tục nghị trường; trong khi đó, hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành văn bản là hoạt động tài phán, ở phạm vi vi mô, mang tính chất pháp lý cụ thể, cần được giải

²⁶ Khoản 10 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 và Điều 15 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014; khoản 4 Điều 74 Hiến pháp năm 2013.

quyết theo thủ tục tài phán tư pháp; (2) Văn bản của TANDTC có loại là văn bản quy phạm pháp luật (Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Thông tư của Chánh án TAND tối cao); có loại là văn bản cá biệt (Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án...). Đối với các văn bản cá biệt, quy định Quốc hội, UBTVQH có quyền bãi bỏ, đình chỉ là chưa phù hợp với đặc trưng của quyền tư pháp.

Thứ hai, kiểm soát của Chủ tịch nước (người đứng đầu Nhà nước): Thực hiện thông qua thẩm quyền của Chủ tịch nước theo Hiến pháp năm 2013. Theo đó, Chủ tịch nước được đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án TANDTC; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán TANDTC căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án TANDTC và Thẩm phán các Tòa án khác; trong thời gian Quốc hội không họp, Chánh án TANDTC chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước UBTVQH, Chủ tịch nước²⁷.

So sánh với thông lệ trên thế giới, quy định của Hiến pháp năm 2013 về những thẩm quyền nêu trên của Chủ tịch nước cơ bản là phù hợp với vị trí của người đứng đầu Nhà nước. Tuy nhiên, một số quy định chưa cụ thể dẫn tới vướng mắc trong quá trình thực hiện, bao gồm: (1) Quy định trong thời gian Quốc hội không họp, Chánh án TANDTC “báo cáo công tác trước Chủ tịch nước” nhưng chưa rõ đây là chế độ báo cáo thường xuyên định kỳ hay khi có yêu cầu; (2) Hiến pháp chỉ quy định trách nhiệm của Chánh án TANDTC phải báo cáo công tác trước Chủ tịch nước, nhưng lại chưa có

quy định về thẩm quyền của Chủ tịch nước khi xem xét các báo cáo này.

Thứ ba, kiểm soát của Chính phủ (cơ quan thực hiện quyền hành pháp): Được thực hiện thông qua thẩm quyền của Chính phủ tham gia ý kiến đối với các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do TANDTC trình Quốc hội, UBTVQH xem xét, thông qua; cử người tham gia thành viên Hội đồng tuyển chọn, giám sát thẩm phán quốc gia; trình Quốc hội quyết định kinh phí hoạt động của Tòa án; kiểm tra việc sử dụng ngân sách của Tòa án²⁸.

Thứ tư, kiểm soát của Viện kiểm sát nhân dân: Được thực hiện thông qua chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân. Cụ thể, khi kiểm soát việc xét xử vụ án hình sự, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn như: Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử của Tòa án; kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án; kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; yêu cầu Tòa án cùng cấp, cấp dưới chuyển hồ sơ vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị; kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp²⁹... Khi kiểm soát việc giải quyết các vụ án hành

²⁷ Khoản 3 Điều 88 và Điều 103 Hiến pháp năm 2013.

²⁸ Điều 70, Điều 96 Luật Tổ chức TAND năm 2014; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

²⁹ Điều 19 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

chính, vụ việc dân sự³⁰, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn như: Kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu; kiểm sát việc thụ lý, giải quyết vụ án, vụ việc; thu thập tài liệu, chứng cứ trong trường hợp pháp luật quy định; tham gia phiên tòa, phiên họp, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật; kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án; kiểm sát hoạt động tố tụng của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; kháng nghị, kiến nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật; kiến nghị, yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng³¹...

Thứ năm, kiểm soát của các chủ thể khác: Ngoài các kênh giám sát cơ bản nêu trên, việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án còn chịu sự giám sát từ các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, cơ quan báo chí, người dân và cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Cụ thể, theo quy định của pháp luật hiện hành, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia hoặc góp phần kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp thông qua các phương thức³²: (1) Giám sát các hoạt động tố tụng, các hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình giải quyết vụ án, vụ việc và

nếu phát hiện hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trái pháp luật thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết; cơ quan nhận được kiến nghị có trách nhiệm xem xét, giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật; (2) Tham gia Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia; (3) Thực hiện phản biện xã hội (trong lĩnh vực tư pháp). Ở chiều ngược lại, khi nhận được các kiến nghị của MTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các cơ quan tư pháp có trách nhiệm xem xét, giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật; nếu kiến nghị không có căn cứ thì phải trả lời, nêu rõ lý do.

Những quy định trên đã tạo hành lang pháp lý để MTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia, góp phần kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp. Tuy nhiên, hầu hết quy định nêu trên mới chỉ mang tính nguyên tắc, thiếu cụ thể nên thực tiễn thực hiện gặp khó khăn. Ngoài ra, hạn chế còn do tính chất chuyên ngành của hoạt động tư pháp, đòi hỏi chủ thể giám sát phải có kiến thức chuyên môn sâu về tố tụng và kinh nghiệm trong hoạt động tư pháp mới đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ. Trong khi đó, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận không có hoặc thiếu nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đó.

Liên quan đến vai trò của báo chí, Luật Báo chí năm 2016 đã quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của báo chí trong phản ánh, hướng dẫn dư luận xã hội; là diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, bao gồm những vi phạm và tiêu cực trong việc thực hiện quyền tư pháp. Trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của

³⁰ Vụ việc dân sự ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, gồm: Vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật.

³¹ Điều 27 Luật Tổ chức VKSND năm 2014.

³² Điều 33 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 19 Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014, Điều 6 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Điều 12 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014, Điều 34 Luật Đặc xá năm 2018...

mình, các cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm có quyền và có nghĩa vụ cung cấp thông tin cho báo chí và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã cung cấp. Người đứng đầu cơ quan báo chí có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trả lời vấn đề mà công dân nêu ra trên báo chí. Nhiều luật chuyên ngành (Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Tiếp cận thông tin...) cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, bao gồm Tòa án, phải giải trình và công khai nội dung giải trình trên báo chí theo quy định của pháp luật trong trường hợp báo chí đăng tải thông tin về vi phạm pháp luật và có yêu cầu trả lời các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao; cơ quan nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho cơ quan thông tin đại chúng những thông tin theo quy định của pháp luật phải được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Ở chiều ngược lại, pháp luật quy định những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động báo chí, như: Thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự nhân phẩm của cá nhân, quy kết tội danh khi chưa có bản án của Tòa án và nhiều hành vi khác... Khi vi phạm pháp luật trong hoạt động báo chí, nhà báo phải cải chính, xin lỗi trong trường hợp thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người đứng đầu cơ quan báo chí về nội dung tác phẩm báo chí của mình và về những hành vi vi phạm pháp luật³³.

Những quy định trên đã tạo cơ sở để báo chí góp phần quan trọng vào kiểm soát việc thực hiện quyền lực tư pháp. Tuy nhiên, Luật Báo chí, các luật có liên quan vẫn còn một số quy định tạo rào cản báo chí tiếp cận thông tin (như thiếu minh bạch trong các quy định của pháp luật về tài liệu mật, thông tin mật...), dẫn đến hạn chế vai trò của báo chí trong vấn đề này. Bên cạnh đó, một số quy định của pháp luật cũng như việc tổ chức quản lý nhà báo, phóng viên trên thực tế còn chưa chặt chẽ dẫn đến lợi dụng, lạm dụng quyền tự do báo chí để vi phạm pháp luật, đưa tin sai sự thật làm ảnh hưởng đến uy tín của Tòa án và thẩm phán; thậm chí lợi dụng danh nghĩa hoạt động báo chí để những nhiễu, đòi hỏi lộ.

Kết luận

Kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung, trong đó bao gồm kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp, là một yêu cầu cấp thiết đặt ra ở nước ta hiện nay. Từ những phân tích ở phần trên, có thể thấy, giống như ở các nước khác trên thế giới, việc kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp ở nước ta cũng được thực hiện theo hai cơ chế cơ bản là kiểm soát nội bộ trong hệ thống Tòa án và kiểm soát bên ngoài hệ thống Tòa án, song đều phải bảo đảm nguyên tắc Tòa án và thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật (khoản 2 Điều 103 Hiến pháp năm 2013). Điều đó là bởi độc lập xét xử là tiền đề để pháp luật được tôn trọng và tuân thủ một cách triệt để; bảo đảm độc lập xét xử cũng chính là bảo đảm cho những giá trị của quyền tư pháp, và rộng hơn là các giá trị của nhà nước pháp quyền, được tôn trọng trên thực tế.

Đối với cơ chế kiểm soát bên ngoài hệ thống Tòa án, xuất phát từ nguyên tắc đặc thù đã nêu của quyền tư pháp, cũng như tính

³³ Điều 9 và Điều 25 Luật Báo chí năm 2016.

chất của hoạt động xét xử của Tòa án, việc kiểm soát thực hiện quyền tư pháp của các cơ quan bên ngoài đòi hỏi phải tuân thủ những yêu cầu riêng, để vừa chỉ ra những vi phạm, thiếu sót, đồng thời phải tôn trọng và tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, yêu cầu của Hiến pháp, pháp luật đặt ra đối với việc thực hiện quyền tư pháp.

Trên tinh thần đó, để thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng và quy định của Hiến pháp, pháp luật liên quan đến kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp, cần chú ý một số vấn đề cụ thể sau đây:

Về cách tiếp cận, cần xác định rõ quyền tư pháp chỉ là đặc quyền của Tòa án, qua đó có thể xây dựng một cơ chế minh định, hiệu quả để kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp – đó là cơ chế kiểm soát việc thực hiện các quyền hạn của Tòa án, đặc biệt là quyền hạn xét xử. Việc kiểm soát thực hiện quyền hạn của các cơ quan tham gia các hoạt động tố tụng tư pháp (điều tra, truy tố, thi hành án...) có những yêu cầu khác, vì thế cần được tổ chức theo cơ chế khác với cơ chế kiểm soát việc thực hiện các quyền hạn của Tòa án.

Ngoài ra, cũng xét về cách tiếp cận, nên tập trung củng cố cơ chế giám sát bên trong (nội bộ) hệ thống Tòa án. Cụ thể, cần hoàn thiện các quy định về kiểm soát nội bộ trong hệ thống Tòa án theo hướng đề ra các giải pháp cụ thể để bảo đảm sự giám sát chặt chẽ, hiệu quả của Tòa án cấp trên với Tòa án cấp dưới, của TANDTC với toàn hệ thống Tòa án, trong khi vẫn bảo đảm bảo đảm tính độc lập của các Tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Nhằm mục đích đó, nên nghiên cứu thành lập Hội đồng tư pháp quốc gia để tách biệt các chức năng hướng dẫn, giám sát về

chuyên môn với việc quản lý, quản trị nội bộ của hệ thống Tòa án.

Liên quan đến cơ chế giám sát bên ngoài hệ thống toà án, nên chú trọng một số giải pháp cụ thể sau:

- Cải cách, nâng cao tính thực chất và hiệu quả hoạt động giám sát của cơ quan dân cử với việc thực hiện quyền tư pháp; cân nhắc bỏ quy định về thẩm quyền của Quốc hội, UBTVQH bãi bỏ hoặc đình chỉ thi hành văn bản của TANDTC (gồm văn bản quy phạm pháp luật và văn bản tố tụng) (tại khoản 10 Điều 70 Hiến pháp năm 2013). Điều đó là bởi quy định như vậy không phù hợp với đặc trưng của quyền tư pháp và với tính chất hoạt động của Quốc hội, UBTVQH. Ngoài ra, trong thực tiễn, kể từ khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành, chưa phát sinh trường hợp Quốc hội, UBTVQH bãi bỏ hoặc đình chỉ thi hành văn bản của TANDTC – cho thấy việc quy định như vậy là không cần thiết.

- Cụ thể hoá một số quy định còn chưa rõ ràng về thẩm quyền của Chủ tịch nước trong mối quan hệ với TANDTC (đã nêu ở phần trên).

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định về giám sát của MTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và của báo chí đối với hoạt động của hệ thống Tòa án theo hướng làm rõ và cụ thể hơn nội dung, phương thức, trình tự, thủ tục giám sát, bảo đảm phù hợp với đặc trưng của quyền tư pháp, để phát huy hiệu quả của kênh kiểm soát này với việc thực hiện quyền tư pháp.

- Xác định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với Tòa án để ngăn ngừa tình trạng cấp ủy Đảng buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp trái pháp luật vào hoạt động xét xử của Tòa án.